

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 23-9-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thành Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ngu.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị Ngọc X**, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh **Xù Thanh H**, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc X trình bày:*

Chị Lâm Thị Ngọc X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, chị X và anh H tự nguyện tổ chức lễ cưới,

đến ngày 27 tháng 02 năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, từ đó chị X và anh H không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Thời gian chung sống thì chị X và anh H có hai con chung tên Xừ Thanh H1, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012 (giới tính: Nam) và Xừ Hưng T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2019 (giới tính: Nam). Cháu H, cháu T hiện đang sống cùng với chị X, do chị X chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thì chị X yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị X có việc làm, thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

*- Đối với bị đơn anh Xừ Thanh H:*

Anh H đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị X, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

*- Tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 10 tháng 8 năm 2020, cháu Xừ Thanh H1 trình bày:*

Cháu H đang sống cùng với chị X tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên vọng của cháu H là được sống cùng với chị X.

*- Tại Biên bản xác minh ngày 17 tháng 8 năm 2020, thì mâu thuẫn gia đình giữa chị X và anh H:*

Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị X, anh H không trình báo, cũng không yêu cầu hòa giải nên địa phương không biết được nguyên nhân mâu thuẫn gia đình giữa anh chị.

*- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ

quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị X, cụ thể: Chị X được ly hôn với anh H; Giao hai con chung tên Xừ Thanh H1, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012 và Xừ Hưng T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2019 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, chị X không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi; Về tài sản chung và nợ chung thì chị X trình bày không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc X khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Xừ Thanh H. Anh H cư trú tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy, anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị X, anh H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 41, quyển số: I, ngày 27 tháng 02 năm 2012. Tại thời điểm kết hôn thì chị X, anh H đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị X, anh H được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu ly hôn của chị X, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn thì chị X, anh H chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, từ đó anh, chị không còn chung sống với nhau cho đến nay. Tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Theo quy định vừa viện dẫn thì chị X, anh H là vợ chồng thì pH có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Thế nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn thì anh, chị không hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cũng không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị X, anh H tham gia phiên hòa giải, nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy chị X, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị X yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 99/2013, quyền số: 03/2012-13 và Giấy khai sinh số: 208/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì chị X, anh H có hai con chung tên Xừ Thanh H1, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012 (giới tính: Nam) và Xừ Hưng T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2019 (giới tính: Nam). Chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, còn anh H thì không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu này của chị X, Hội đồng xét xử thấy:

Tại Khoản 2, 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì pH xem xét nguyện vọng của con”,*

*“3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Theo quy định vừa viện dẫn thì chị X, anh H có quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, cũng như thỏa thuận về quyền, nghĩa của mỗi bên đối với con sau khi ly hôn, thế nhưng chị X, anh H không thỏa thuận được. Do đó, việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng do Hội đồng xét xử quyết định. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23 tháng 9 năm 2020) thì cháu T dưới 36 tháng tuổi, còn cháu Hưng thì có nguyện vọng được sống với chị X, cháu T và cháu Hưng đều đang sống cùng với chị X, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đồng thời chị X có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện kinh tế để lo cho các con. Như vậy, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị X là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định vừa viện dẫn thì anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Hưng, cháu T được sống với chị X, đồng thời anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng: Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định vừa viện dẫn thì anh H là người không trực tiếp nuôi con thì pH có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nhưng do chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Như đã phân tích trên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị X là nguyên đơn nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Ngọc X được ly hôn với anh Xừ Thanh H.

**2.** Về con chung: Giao hai con chung tên Xừ Thanh H1, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012 (giới tính: Nam) và Xừ Hưng T, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2019 (giới tính: Nam) cho chị Lâm Thị Ngọc X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Anh Xừ Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Xừ Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Ngọc X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**4.** Về án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị Ngọc X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0005151, ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Lâm Thị Ngọc X đã nộp xong án phí sơ thẩm.

**5.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Tân, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thành Đạt**